

Bản án số: 854/2022/HS-PT

Ngày: 23 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 88/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2018/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn D (tên gọi khác: Ngô Kế Hùng), sinh năm 1966, tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và du lịch A; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị N (đều đã chết); có vợ là Đặng Thị M và 03 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2017 đến ngày 14/9/2018 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại:

1. Công ty Cổ phần xây dựng và quản lý công trình giao thông Kon Tum.
Địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Thái học, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn (gọi tắt là TNHH) An Văn Thức Gia Lai. Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

3. Công ty Cổ phần Nam Hiếu. Địa chỉ: Số 42B, Tổ 7, Khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4. Công ty TNHH Hà Minh Thành. Địa chỉ: Số 453, Quốc lộ 51, Tổ 10, ấp Long Phú, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

5. Công ty TNHH xây dựng Hoàng Khâm Đắc Thanh. Địa chỉ: Thôn 1, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

6. Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh. Địa chỉ: Số 46/120, đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

7. Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Gia Nguyên. Địa chỉ: Số 179, đường Y Moan, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Bà Đặng Thị M. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

2. Ông Trần Đức Minh và bà Trần Thị Sen. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Như Năm. Địa chỉ: Số 112, đường Mai Hắc Đế, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Ông Tạ Hùng Cường. Địa chỉ: Số 61, đường Trần Quang Diệu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2009, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và du lịch A (sau đây viết tắt là Công ty A) do Nguyễn Văn D là đại diện theo pháp luật được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 63121000056 để thực hiện dự án đầu tư khu du lịch sinh thái Hồ Trúc với tổng vốn thực hiện dự án là 274.423.000.000 đồng, diện tích đất thực hiện dự án là 222.698 m², tiến độ thực hiện dự án từ năm 2009 đến năm 2012. Ngày 25/02/2011, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND cho Công ty A thuê 221.967 m² đất tại Khôi 12, thị trấn C1, huyện C2 để thực hiện dự án.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty A triển khai thi công hạng mục Nhà hàng tiệc cưới, nhưng mới xong phần móng, sau đó không thi công nữa. Qua nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, Công ty A cam kết sẽ thực hiện và hoàn thành dự án vào tháng 6/2013. Tuy nhiên, Công ty A không thực hiện tiến độ theo quy định. Ngày 06/11/2013, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 1786/QĐ-UBND, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Công ty A (lý do thu hồi là do Công ty A không có khả năng tài chính, không thực hiện dự án theo đúng tiến độ) và giao cho UBND huyện C2 quản lý toàn bộ diện tích dự án.

Ngày 09/11/2013 và ngày 09/5/2014, Công ty A có Tờ trình số: 05/11/2013 và số: 01/05/2014/TTr-Cty về việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc. Ngày 23/7/2014, UBND tỉnh Đắk Nông cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000183 cho Công ty A, tổng mức đầu tư dự án là 692.000.000.000 đồng, tiến độ thực hiện dự án giai đoạn 1 (xây dựng khu vui chơi thanh, thiếu nhi; khu sinh hoạt cộng đồng; các công trình dịch vụ; các công trình phục vụ nghỉ dưỡng; các công trình phục vụ nghiên cứu và hạ tầng kỹ thuật) từ năm 2014 - 2017, giai đoạn 2 (xây dựng khu siêu thị; các công trình thể dục, thể thao, công viên cây xanh và hạ tầng kỹ thuật) sau năm 2018. Sau khi được cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty A vẫn không có nguồn vốn để tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Ngày 05/5/2015, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đầu tư số: 63121000183 của Công ty A. Đến ngày 18/7/2016, UBND tỉnh Đắk Nông ra Quyết định số 1226/QĐ-UBND về việc thu hồi 221.967 m² đất của Công ty A giao cho UBND huyện C2 quản lý, bố trí sử dụng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 6 năm 2016 đại diện các Công ty cổ phần giao thông Kon Tum; Công ty TNHH Hà Minh Thành; Công ty Xây dựng Nam Hiếu; Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Khâm Đắk Thanh; Công ty cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh; Công ty TNHH An Văn Thúc Gia Lai; Công ty TNHH Gia Nguyên đến gặp Nguyễn Văn D liên hệ, xin ký hợp đồng thi công xây dựng một số hạng mục công trình trong dự án. Mặc dù lúc này Dũng biết dự án đã bị UBND tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, nhưng Dũng đưa thông tin gian dối với đại diện các Công ty trên là Công ty A đang là chủ đầu tư và chuẩn bị triển khai thi công các hạng mục trong dự án, Dũng không cho đại diện các Công ty này biết dự án đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư mà đưa Giấy chứng nhận đầu tư cho đại diện các Công ty xem. Dũng cùng với ông Phạm Như Năm, trú tại đường Mai Hắc Đế, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Năm là người Dũng thuê để phụ giúp Dũng trong quá trình điều hành và thực hiện dự án) trực tiếp gặp gỡ

trao đổi, thỏa thuận với đại diện các Công ty về việc hợp đồng thi công xây dựng công trình. Năm là người trực tiếp soạn thảo các hợp đồng nguyên tắc thi công và dẫn đại diện các Công ty đi xem khu đất thực hiện dự án, các bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công theo từng gói thầu xây lắp. Từ đó, đại diện các Công ty trên tin tưởng dự án đang được Công ty A triển khai thực hiện nên đã ký hợp đồng nguyên tắc thi công và thực hiện theo thỏa thuận chuyển tiền ký quỹ hợp đồng cho Công ty A. Cụ thể như sau:

1. Công ty cổ phần giao thông Kon Tum:

Ngày 15-12-2015, Công ty Kon Tum ký kết với Công ty A Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 06/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục khu văn hóa tâm linh, đường giao thông chính và cầu cảnh quan, giá trị hợp đồng tạm tính là 140.000.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, ngày 16/12/2015, Công ty Kon Tum ủy nhiệm chi số tiền 1.400.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty Kon Tum cho Công ty A qua số tài khoản 0018100004207008 mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk.

2. Công ty TNHH An Văn Thức Gia Lai:

Ngày 06/12/2015, Công ty An Văn Thức Gia Lai ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 01/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục Nhà hàng tiệc cưới, giá trị hợp đồng tạm tính là 68.500.000.000 đồng, Công ty An Văn Thức phải ký quỹ 01% giá trị hợp đồng với số tiền 685.000.000 đồng và Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng gói thầu thi công xây lắp khu văn hóa tâm linh, giá trị hợp đồng là 65.000.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2015, Công ty An Văn Thức ủy nhiệm chi qua tài khoản số 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền 500.000.000 đồng). Ngày 07/3/2016, Công ty An Văn Thức tiếp tục ủy nhiệm chi vào số tài khoản 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền 185.000.000 đồng. Ngày 08/3/2016, ông An Văn Thức tiếp tục ký hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 09/HĐNT-TCXD với Công ty A để thi công hạng mục xây lắp điện + nước, giá trị hợp đồng là 30.000.000.000 đồng. Ngày 11/3/2016, Công ty An Văn Thức tiếp tục ủy nhiệm chi qua tài khoản số 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền 300.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty An Văn Thức Gia Lai đã chuyển cho Công ty A là 985.000.000 đồng.

3. Công ty xây dựng Nam Hiếu:

Ngày 04/01/2016, Công ty Nam Hiếu ký kết với Công ty A hợp đồng nguyên tắc thi công số: 05/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục siêu thị mini,

giá trị hợp đồng tạm tính là 27.700.000.000 đồng, hạng mục tường rào là 11.300.000.000 đồng, tổng giá trị hợp đồng là 39.000.000.000 đồng. Ngày 05/02/2016, Công ty Nam Hiếu ủy nhiệm chi 270.000.000 đồng đến số tài khoản 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk.

4. Công ty TNHH Hà Minh Thành:

Ngày 12-3-2016, Công ty Hà Minh Thành ký kết với Công ty A hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 11/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục Khu biệt thự Tây Nguyên 21 căn, giá trị hợp đồng là 70.000.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó hợp đồng có điều chỉnh lại về giá trị hợp đồng là 54.600.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, ngày 04/5/2016, Công ty Hà Minh Thành ủy nhiệm chi 430.000.000 đồng đến số tài khoản 5302209000382 của Nguyễn Văn D mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện C2, tỉnh Đắk Nông.

5. Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh:

Ngày 06/6/2016, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh ký kết với Công ty A hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 66/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục tường kê và san nền đảo khu nhà hàng thủy tạ, giá trị hợp đồng là 38.757.000.000 đồng. Ngày 09/6/2016, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh chuyển 280.000.000 đồng đến số tài khoản 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk.

6. Công ty TNHH xây dựng Hoàng Khâm Đắk Thanh:

Ngày 10/3/2016, Công ty Hoàng Khâm Đắk Thanh ký kết với Công ty A hợp đồng nguyên tắc thi công số: 10/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục Trung tâm điều dưỡng và nhà tập Gym Spa giá trị hợp đồng là 17.000.000.000 đồng. Cùng ngày, ông Lê Bá Hùng nộp 150.000.000 đồng vào tài khoản 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk và 20.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 5210205000172 của ông Phạm Như Năm mở tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch M'đrăk.

Ngày 21/6/2016, hai bên ký hợp đồng nguyên tắc thi công với giá trị hợp đồng điều chỉnh là 10.277.592.000 đồng, do hợp đồng điều chỉnh có giá trị 10.277.592.000 đồng nhưng ông Lê Bá Hùng đã nộp ký quỹ 01% giá trị hợp đồng tương đương với giá trị là 17.000.000.000 đồng nên Công ty A tiếp tục ký bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình với hạng mục nhà chòi, giá trị là 6.796.553.000 đồng.

7. Công ty TNHH Gia Nguyên:

Ngày 21/6/2016, Công ty Gia Nguyên ký kết với Công ty A hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số: 06/HĐNT-TCXD để thi công hạng mục khách sạn 05 tầng giá trị hợp đồng là 50.000.000.000 đồng. Ngày 24/6/2016, ông Vũ Sơn Lâm đã nộp 100.000.000 đồng vào số tài khoản 0018100004207008 của Công ty A mở tại Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk.

Tổng số tiền mà Nguyễn Văn D đã chiếm đoạt của 07 công ty nêu trên là 3.635.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Cáo trạng số: 21/CTr-VKS - P3 ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo: Nguyễn Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 10/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 04/2018/HSST-QĐ trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Ngày 25/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Văn bản số: 3526/VKS-P3 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố bị can Nguyễn Văn D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2018/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn D 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2017 đến ngày 14/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2018 bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn D giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung, với các lý do:

Bị cáo không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Thông qua các mối quan hệ, thông tin, 07 doanh nghiệp tự tìm đến Công ty A và gửi lời mời ký kết Hợp đồng chứ bị cáo không hề đưa ra các thông tin giả dối nào để mời chào các doanh nghiệp này hợp tác. Bị cáo không chiếm đoạt số tiền

3.635.000.000 đồng từ 07 doanh nghiệp, tất cả số tiền trên bị cáo đã đầu tư vốn làm ăn kinh doanh, sử dụng vào các hoạt động của Công ty A. Toàn bộ các hợp đồng nhận thầu đã được các bên thỏa thuận thanh lý trước khi cơ quan tố tụng khởi tố vụ án, việc chưa thanh toán tiền cho các công ty theo thỏa thuận thanh lý hợp đồng không thể cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bản chất của vụ việc cũng chỉ là quan hệ dân sự.

Từ tháng 05/2015 cho đến nay, UBND tỉnh Đắk Nông không thực hiện theo trình tự thủ tục về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư theo qui định của pháp luật, cụ thể chủ đầu tư dự án là bị cáo không nhận được một thông báo, quyết định nào từ UBND tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và thu hồi khu đất cho thuê. Toàn bộ qui trình thu hồi giấy chứng nhận đầu tư dự án và quyết định thu hồi khu đất cho thuê là tự ý Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông quyết định và ban hành. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được bị cáo nhận được Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Cơ quan điều tra không làm rõ cho đến nay Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD ngày 18/04/2013 có thời hạn 50 năm giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông với Công ty A chưa thanh lý, hai bên chưa thỏa thuận chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn và vẫn còn hiệu lực pháp luật. Trước khi tiến hành thu hồi dự án và quyền sử dụng đất bàn giao cho UBND huyện C2 mà các cơ quan chức năng tỉnh Đắk Nông không tiến hành kiểm kê tài sản trên đất, không thẩm định giá để xác định giá trị sự thật mà Công ty A đã đầu tư thêm vào dự án. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thu hồi dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và giao toàn bộ đất dự án mà Công ty A đang thuê cho Ủy ban nhân dân huyện C2 quản lý là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016, tại huyện C2, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Văn D - Giám đốc Công ty A đã dùng thủ đoạn gian dối, không nói cho các doanh nghiệp biết là dự án đầu tư đã bị thu hồi, để ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng với các Công ty và đã nhận tổng số tiền ký quỹ của các Công ty là 3.635.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người đúng tội, không oan.

Đối với kháng cáo của bị cáo về việc không nhận được quyết định nào từ UBND tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và thu hồi khu

đất cho thuê: Ngày 31/8/2015, Đoàn thanh tra thành lập theo Quyết định số 1857/QĐ-STNMT ngày 07-8-2015 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông làm việc với Nguyễn Văn D là Giám đốc Công ty A tại Thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông. Ông Trần Mậu Dũng - Trưởng đoàn Thanh tra và ông Trần Hữu Đức - Phó Đoàn Thanh tra trực tiếp làm việc với Nguyễn Văn D. Quá trình làm việc, ông Trần Mậu Dũng đã thông báo cho Nguyễn Văn D biết thông tin UBND tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực pháp lý đối với Giấy chứng nhận đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc do Công ty A làm chủ đầu tư. Đồng thời cung cấp cho Nguyễn Văn D Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (bản photo). Sau khi làm việc, Đoàn Thanh tra lập biên bản, ông Nguyễn Văn D ký xác nhận; theo đó, ông Dũng đã biết về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực pháp lý đối với Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty A. Tại biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn D (bút lục số 1234) thể hiện ý thức chủ quan của bị cáo Dũng biết dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 31/8/2015 khi làm việc với Đoàn Thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông được thành lập theo Quyết định số 1857/QĐ-STNMT ngày 07/8/2015 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông. Bị cáo cho rằng không biết, không nhận bản chính của Quyết định là không có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo Dũng đã được biết Quyết định số 609 ngày 05/5/2015 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, bản thân bị cáo biết được Giấy chứng nhận đầu tư bị thu hồi và nộp hồ sơ để xin cấp lại, trong thời gian chưa được cấp lại đã ký kết hợp đồng và nhận tiền của các công ty. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông cũng đã điều tra đối với bị cáo về việc bị cáo đã sử dụng số tiền này như thế nào: Bị cáo đã chuyển cho bà Bùi Thị Tơ, Giám đốc Công ty Chí Hiếu 1.750.000.000 đồng để Công ty Chí Hiếu tìm nguồn vốn thực hiện dự án; sử dụng 600.000.000 đồng trả cho Công ty Linh Lan Anh vì trong năm 2014, Công ty A ký hợp đồng thi công với công ty Linh Lan Anh nhưng sau đó do dự án bị thu hồi nên hai bên đã thanh lý hợp đồng; bị cáo Dũng chi trả số tiền 500.000.000 đồng cho ông Tạ Xuân Giao (không rõ nhân thân, lai lịch) vì trước đó Dũng thuê ông Giao thiết kế và thực hiện dự án nhưng sau đó ông Giao không làm nữa; bị cáo Dũng đưa cho Phạm Như Năm số tiền 150.000.000 đồng để cho Năm và nhờ Năm chi phí các thủ tục khác (cụ thể sử dụng gì bị cáo Dũng không nhớ). Ngoài ra, bị cáo Dũng chi trả 130.000.000 đồng cho ông Tạ Hùng Cường để chi trả tiền thiết kế; còn lại số tiền 485.000.000 đồng bị cáo Dũng sử dụng vào việc chi phí ăn uống, đi lại và chi phí thực hiện dự án (số tiền chi cụ thể bị cáo Dũng không nhớ rõ và không có tài liệu chứng từ thể hiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được những tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo mình nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn D đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa và tự trình bày lời bào chữa. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, căn cứ Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt người bào chữa của bị cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Mặc dù Công ty A đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư khu du lịch sinh thái Hồ Trú từ tháng 5-2015 nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 12-2015 đến tháng 6-2016 Nguyễn Văn D - Giám đốc Công ty A vẫn đưa ra thông tin Công ty A đang là chủ đầu tư và chuẩn bị triển khai thi công các hạng mục trong dự án khu du lịch sinh thái Hồ Trú, không nói cho các doanh nghiệp biết là dự án đầu tư đã bị thu hồi, để các doanh nghiệp nhằm tưởng bị cáo vẫn đang là chủ đầu tư để ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng với các Công ty và đã nhận tổng số tiền ký quỹ của các Công ty là 3.635.000.000đ (*Ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Cụ thể: Công ty cổ phần giao thông Kon Tum 1.400.000.000 đồng; Công ty TNHH An Văn Thức Gia Lai 985.000.000 đồng; Công ty xây dựng Nam Hiếu 270.000.000 đồng; Công ty TNHH Hà Minh Thành 430.000.000 đồng; Công ty TNHH xây dựng Hoàng Khâm Đắc Thanh 170.000.000 đồng; Công ty cổ phần xây dựng và phát triển kinh doanh 280.000.000 đồng; Công ty TNHH Gia Nguyên 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ký quỹ, Dững không tiến hành triển khai dự án mà sử dụng hết toàn bộ số tiền này nên không có khả năng trả lại cho các Công ty trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Dững làm đơn kháng cáo đề nghị xem xét bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo chưa nhận được Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực của quyết định đầu tư số 63121000183 của Công ty A. Bị cáo cũng không tiêu xài cá nhân số tiền các doanh nghiệp khác ký quỹ mà dùng để thực hiện dự án đầu tư. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy Công ty A chưa nhận được bản chính quyết định 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015. Tuy nhiên, ngày 31/8/2015, Đoàn thanh tra thành lập theo Quyết

định số 1857/QĐ-STNMT ngày 07/8/2015 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông làm việc với Nguyễn Văn D là Giám đốc Công ty A tại Thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông. Ông Trần Mậu Dũng - Trưởng đoàn Thanh tra và ông Trần Hữu Đức - Phó Đoàn Thanh tra trực tiếp làm việc với Nguyễn Văn D. Quá trình làm việc, ông Trần Mậu Dũng đã thông báo cho Nguyễn Văn D biết thông tin UBND tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực pháp lý đối với Giấy chứng nhận đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc do Công ty A làm chủ đầu tư. Đồng thời cung cấp cho Nguyễn Văn D Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (bản photo). Sau khi làm việc, Đoàn Thanh tra lập biên bản làm việc với Nguyễn Văn D, trong đó thể hiện nội dung “*Đối với Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực pháp lý đối với Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty A thì ông Nguyễn Văn D sẽ liên hệ với Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông và UBND tỉnh Đắk Nông để làm rõ việc thu hồi này*”, biên bản được Nguyễn Văn D ký xác nhận thể hiện tại bút lục số 244 được lưu trong hồ sơ vụ án. Tại bút lục số: 1234, biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn D đã khai: “*Kể từ thời điểm ngày 31/8/2015, sau khi làm việc với đoàn thanh tra số: 1857 và được xem Quyết định số 609 thì tôi nhận thức rõ là Công ty A đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án khu nghỉ dưỡng lão và du lịch sinh thái Hồ Trúc. Do đó, đến ngày 10-01-2016, tôi làm tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông để xin cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên không nhận được văn bản trả lời nên tôi nhận thức được là dự án khu nghỉ dưỡng lão và du lịch sinh thái Hồ Trúc vẫn chưa được cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư và dự án trên không được phép đầu tư*”... Như vậy, ý thức chủ quan của bị cáo Nguyễn Văn D đã biết được dự án Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 31/8/2015 khi làm việc với Đoàn Thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông được thành lập theo Quyết định số 1857/QĐ-STNMT ngày 07/8/2015 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016 Công ty A do bị cáo làm giám đốc vẫn đưa ra thông tin là Công ty A vẫn đang thực hiện dự án và ký kết các Hợp đồng nguyên tắc và nhận tiền ký quỹ của các công ty khác với số tiền 3.635.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Dũng đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem xét đầy đủ các tình tiết tăng

nặng giảm nhẹ cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã thỏa thuận với các bị hại về việc bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Bị cáo có bố đẻ là liệt sỹ, bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các điểm b, x khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với ý kiến cho rằng các cơ quan chức năng tỉnh Đắk Nông không tiến hành kiểm kê tài sản trên đất, không thẩm định giá để xác định giá trị sự thật mà Công ty A đã đầu tư thêm vào dự án; hợp đồng thuê đất chưa thanh lý, chưa thỏa thuận chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn và vẫn còn hiệu lực nên không có căn cứ để thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của công ty A. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là quan hệ pháp luật hành chính không liên quan đến vụ án này nên không có căn cứ để xem xét.

Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 13/12/2017 đến ngày 14/9/2018.

3/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Trần Thị Hòa Hiệp